



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 30 tháng 11 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 20 tháng 4 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)
Bà Phạm Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 20 tháng 4 năm 2023)
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký

236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, 22-03-2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00344-24-1



Trương Vinh Phúc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **22 -03- 2024**

Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 2594-2019-007-1



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140)	100		897.648.828.564	702.110.022.297
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	720.973.559.990	513.016.939.085
Tiền	111		40.973.559.990	23.016.939.085
Các khoản tương đương tiền	112		680.000.000.000	490.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.303.835.381	139.432.780.869
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	59.176.793.237	74.726.782.151
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.306.312.496	719.368.226
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	63.820.729.648	63.986.630.492
Hàng tồn kho	140	8	51.371.433.193	49.660.302.343
Hàng tồn kho	141		51.371.433.193	49.660.302.343
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		568.666.300.894	776.852.296.434
Các khoản phải thu dài hạn	210		137.384.000.000	192.664.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	137.384.000.000	192.664.000.000
Tài sản cố định	220		234.205.258.735	382.334.798.882
Tài sản cố định hữu hình	221	9	212.084.323.470	359.600.859.125
Nguyên giá	222		3.324.047.403.499	3.322.148.090.226
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.111.963.080.029)	(2.962.547.231.101)
Tài sản cố định vô hình	227	10	22.120.935.265	22.733.939.757
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.130.044.946)	(5.517.040.454)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	186.471.302.699	192.441.871.940
Đầu tư vào công ty con	251		175.000.000.000	175.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(53.028.697.301)	(47.058.128.060)
Tài sản dài hạn khác	260		10.605.739.460	9.411.625.612
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	30(c)	10.605.739.460	9.411.625.612
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.466.315.129.458	1.478.962.318.731

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

100
 C
 ÁCH
 F
 100

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		322.678.905.237	329.857.395.687
Nợ ngắn hạn	310		175.968.664.737	139.815.589.187
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	17.420.886.897	11.176.919.653
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	13.330.069.625	7.407.878.888
Phải trả người lao động	314		35.849.674.055	29.417.848.445
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	3.102.939.652	3.169.719.951
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	5.382.768.813	8.001.522.559
Vay ngắn hạn	320	16(a)	43.331.566.000	43.331.566.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	36.733.120.307	24.472.650.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	20.817.639.388	12.837.483.691
Nợ dài hạn	330		146.710.240.500	190.041.806.500
Vay dài hạn	338	16(b)	146.710.240.500	190.041.806.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.143.636.224.221	1.149.104.923.044
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.143.636.224.221	1.149.104.923.044
Vốn cổ phần	411	20	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		123.257.066	123.257.066
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.491.855.223	213.491.855.223
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	421		131.354.451.932	136.823.150.755
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		54.292.317.258	49.705.331.171
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		77.062.134.674	87.117.819.584
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.466.315.129.458	1.478.962.318.731

22 -03- 2024

Người lập:



Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	634.451.067.394	645.552.598.061
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	24	488.234.271.779	518.691.105.392
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		146.216.795.615	126.861.492.669
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	34.305.490.847	44.024.265.828
Chi phí tài chính	22	26	15.534.007.413	11.331.096.648
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.294.222.872	10.693.478.750
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	68.976.249.640	58.588.449.471
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		96.012.029.409	100.966.212.378
Thu nhập khác	31	28	832.401.205	2.383.883.681
Chi phí khác	32		165.545.487	260.725.482
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		666.855.718	2.123.158.199
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		96.678.885.127	103.089.370.577
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	20.810.864.301	16.011.185.993
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	30	(1.194.113.848)	(39.635.000)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		77.062.134.674	87.117.819.584

22 -03- 2024

Người lập:



Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		96.678.885.127	103.089.370.577
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		150.465.640.147	179.457.476.528
Các khoản dự phòng	03		73.124.409.990	39.425.230.221
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		7.477.567	(21.039.176)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(34.254.145.592)	(43.212.428.151)
Chi phí lãi vay	06		9.294.222.872	10.693.478.750
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		295.316.490.111	289.432.088.749
Biến động các khoản phải thu	09		59.337.120.965	(208.086.282.212)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.711.130.850)	(3.789.627.406)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(45.897.353.105)	(139.867.829.001)
Biến động chi phí trả trước	12		-	272.727.273
			307.045.127.121	(62.038.922.597)
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.781.328.363)	(10.729.677.219)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.284.385.511)	(23.556.303.653)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.657.345.000)	(13.225.085.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		273.322.068.247	(109.549.988.469)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.336.100.000)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		199.727.273	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		44.126.242.842	32.328.340.689
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		41.989.870.115	32.328.340.689
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	32		-	11.918.826.733
Tiền thu từ đi vay	33		-	122.147.200.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(43.331.566.000)	(36.268.766.000)
Tiền trả cổ tức	36		(64.023.480.500)	(63.865.993.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(107.355.046.500)	33.931.267.433
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		207.956.891.862	(43.290.380.347)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		513.016.939.085	556.285.208.580
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(270.957)	22.110.852
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	720.973.559.990	513.016.939.085

22-03-2024

Người lập:



Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 339 nhân viên (1/1/2023: 354 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 4 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất trong vòng 43 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Số dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

01001
CÔ I
RÁCH NH
KI
TỪ LI

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

C.T.A.
Y
U HẠN
T.P.H.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	464.820.511	391.054.914
Tiền gửi ngân hàng	40.508.739.479	22.625.884.171
Các khoản tương đương tiền	680.000.000.000	490.000.000.000
	720.973.559.990	513.016.939.085

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 2,0% đến 3,6%/năm (1/1/2023: từ 4,5% đến 6,0%/năm).

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và các bên liên quan

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	13.441.252.159	11.127.025.895
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	45.735.541.078	63.599.756.256
	59.176.793.237	74.726.782.151

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trả trước hợp đồng hệ thống xử lý nước dẫn tàu	1.073.668.130	-
Trả trước khác	1.232.644.366	719.368.226
	2.306.312.496	719.368.226

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	101.836.756.726	174.339.147	3.219.794.484.978	342.509.375	3.322.148.090.226
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.930.900.000	405.200.000	2.336.100.000
Thanh lý	-	-	(436.786.727)	-	(436.786.727)
Số dư cuối năm	101.836.756.726	174.339.147	3.221.288.598.251	747.709.375	3.324.047.403.499
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.201.617.992	174.339.147	2.953.828.764.587	342.509.375	2.962.547.231.101
Khấu hao trong năm	2.733.872.664	-	147.107.507.435	11.255.556	149.852.635.655
Thanh lý	-	-	(436.786.727)	-	(436.786.727)
Số dư cuối năm	10.935.490.656	174.339.147	3.100.499.485.295	353.764.931	3.111.963.080.029
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	93.635.138.734	-	265.965.720.391	-	359.600.859.125
Số dư cuối năm	90.901.266.070	-	120.789.112.956	393.944.444	212.084.323.470

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 117.442 triệu VND (1/1/2023: 161.932 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 2.768.142 triệu VND (1/1/2023: 810.841 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	5.517.040.454
Khấu hao trong năm	613.004.492
Số dư cuối năm	6.130.044.946
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	22.733.939.757
Số dư cuối năm	22.120.935.265

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023				1/1/2023				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con									
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	100%	100%	100%	- (*)	-	-	100%	160.000.000.000	- (*)
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%	100%	- (*)	-	-	100%	15.000.000.000	- (*)
				<u>175.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>175.000.000.000</u>			<u>-</u>
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác									
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0,51%	0,51%	(*)	(47.028.697.301)	(*)	625.000	53.500.000.000	(47.058.128.060) (*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	(*)	(6.000.000.000)	(*)	600.000	6.000.000.000	- (*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	(*)	-	(*)	500.000	5.000.000.000	- (*)
				<u>64.500.000.000</u>	<u>(53.028.697.301)</u>	<u>64.500.000.000</u>		<u>64.500.000.000</u>	<u>(47.058.128.060)</u>
				<u>239.500.000.000</u>	<u>(53.028.697.301)</u>	<u>239.500.000.000</u>		<u>239.500.000.000</u>	<u>(47.058.128.060)</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	47.058.128.060	46.859.953.060
Dự phòng trích lập trong năm	6.000.000.000	198.175.000
Dự phòng hoàn lại trong năm	(29.430.759)	-
Số dư cuối năm	<u>53.028.697.301</u>	<u>47.058.128.060</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	752.647.617	16.000.000
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	3.841.711.340	3.706.604.270
<i>Các công ty liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	8.078.880.810	1.889.422.038
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	-	917.748.992
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	1.375.135.608	353.772.619
Công ty Xăng dầu Khu vực 2 – TNHH MTV	70.222.109	63.821.250
	<hr/>	<hr/>
	14.118.597.484	6.947.369.169
<i>Các bên khác</i>		
Đăng kiểm Mỹ ABS	843.017.500	1.184.979.144
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Sửa chữa Tàu biển Việt Điện	316.110.708	981.442.980
Các nhà cung cấp khác	2.143.161.205	2.063.128.360
	<hr/>	<hr/>
	3.302.289.413	4.229.550.484
	<hr/>	<hr/>
	17.420.886.897	11.176.919.653

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	3.146.500.448	27.241.473.216	(28.732.832.586)	1.655.141.078
Thuế nhập khẩu	-	2.038.537.739	(2.038.537.739)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.461.303.182	20.810.864.301	(13.284.385.511)	10.987.781.972
Thuế thu nhập cá nhân	788.546.576	3.156.662.732	(3.317.197.693)	628.011.615
Các loại thuế phí khác	11.528.682	1.687.590.955	(1.639.984.677)	59.134.960
	7.407.878.888	54.935.128.943	(49.012.938.206)	13.330.069.625

(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong năm trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong năm.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	657.867.835	1.144.973.326
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	776.487.725	393.177.755
Cảng phí	361.258.233	274.275.540
Các khoản khác	1.307.325.859	1.357.293.330
	3.102.939.652	3.169.719.951

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	174.500.000	672.000.000
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	250.360.000	1.871.880.000
Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO	2.227.683.762	1.658.751.584
<i>Các bên khác</i>		
Kinh phí công đoàn	1.312.024.616	2.176.780.432
Cổ tức phải trả	1.191.376.260	1.321.523.960
Các khoản phải trả khác	226.824.175	300.586.583
	5.382.768.813	8.001.522.559

Khoản phải trả khác cho các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.

15.
 T
 H
 N
 C
 H

T.N.H.H
 (C)

M.S.D.N
 TR
 Q. NAM

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 1/1/2023 VND	Biến động trong năm		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 31/12/2023 VND
		Tăng VND	Trả nợ vay VND	
Vay dài hạn đến hạn trả	43.331.566.000	43.331.566.000	(43.331.566.000)	43.331.566.000

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành	VND	7,6%	2026	85.391.806.500	116.443.372.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	8,0%	2032	104.650.000.000	116.930.000.000
				190.041.806.500	233.373.372.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(43.331.566.000)	(43.331.566.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				146.710.240.500	190.041.806.500

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 117.442 triệu VND (1/1/2023: 161.932 triệu VND) (Thuyết minh 9) và tài sản cố định hữu hình của một công ty con.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Dự phòng sửa chữa lớn	36.733.120.307	24.472.650.000

Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong năm như sau:

	Dự phòng sửa chữa lớn	
	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	24.472.650.000	46.419.484.573
Dự phòng trích lập trong năm	67.153.840.749	39.227.055.221
Dự phòng sử dụng trong năm	(54.893.370.442)	(61.173.889.794)
Số dư cuối năm	36.733.120.307	24.472.650.000

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	12.837.483.691	10.662.370.643
Trích lập trong năm	18.637.500.697	17.842.298.048
Sử dụng quỹ	(10.657.345.000)	(15.667.185.000)
Số dư cuối năm	20.817.639.388	12.837.483.691



120
 JG
 EM
 M

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	213.491.855.223	131.440.962.019	1.131.803.907.575
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	87.117.819.584	87.117.819.584
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(17.842.298.048)	(17.842.298.048)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	283.272.976	11.635.553.757	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	798.666.660.000	123.257.066	-	213.491.855.223	136.823.150.755	1.149.104.923.044
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	77.062.134.674	77.062.134.674
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(18.637.500.697)	(18.637.500.697)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	798.666.660.000	123.257.066	-	213.491.855.223	131.354.451.932	1.143.636.224.221



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

21. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2023 đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (2022: chia cổ tức với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021).

22. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	6.922	162.009.339	7.125	166.792.270

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	629.839.067.398	642.065.598.065
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	4.611.999.996	3.486.999.996
	<hr/>	<hr/>
	634.451.067.394	645.552.598.061
	<hr/>	<hr/>

24. Giá vốn dịch vụ cung cấp

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	486.620.071.779	517.470.655.392
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.614.200.000	1.220.450.000
	<hr/>	<hr/>
	488.234.271.779	518.691.105.392
	<hr/>	<hr/>

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Cổ tức được chia	4.402.312.393	28.483.130.310
Lãi tiền gửi	29.652.105.926	14.729.297.841
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	251.072.528	790.798.501
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	21.039.176
	<hr/>	<hr/>
	34.305.490.847	44.024.265.828
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	9.294.222.872	10.693.478.750
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	261.737.733	439.442.898
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	7.477.567	-
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5.970.569.241	198.175.000
	15.534.007.413	11.331.096.648

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	34.625.797.591	26.716.817.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.949.998.682	10.778.305.545
Chi phí khấu hao	4.628.242.419	4.429.260.476
Chi phí vật liệu quản lý	613.499.262	434.589.331
Chi phí đồ dùng văn phòng	810.563.464	319.386.495
Chi phí khác	20.348.148.222	15.910.090.200
	68.976.249.640	58.588.449.471

28. Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Tiền bảo hiểm được bồi thường	609.423.932	2.225.940.331
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	199.727.273	-
Các khoản khác	23.250.000	157.943.350
	832.401.205	2.383.883.681

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	115.479.372.800	153.076.737.816
Chi phí nhân công	113.771.201.640	104.203.979.589
Chi phí khấu hao	150.465.640.147	179.457.476.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.705.011.486	45.981.409.676
Chi phí khác	128.789.295.346	94.559.951.254

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	20.789.405.277	16.011.185.993
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	21.459.024	-
	<u>20.810.864.301</u>	<u>16.011.185.993</u>
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.194.113.848)	(39.635.000)
	<u>19.616.750.453</u>	<u>15.971.550.993</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	96.678.885.127	103.089.370.577
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	19.335.777.025	20.617.874.115
Thu nhập không bị tính thuế	(881.735.252)	(5.696.626.062)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.141.249.656	1.115.996.623
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	21.459.024	-
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	-	(65.693.683)
	<u>19.616.750.453</u>	<u>15.971.550.993</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Doanh thu cung cấp dịch vụ	202.005.678.620	218.323.567.272
Công ty mẹ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex Doanh thu cung cấp dịch vụ	432.297.513.020	415.809.580.789
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.620.862.967	5.967.857.204
Chia cổ tức	33.172.173.600	33.172.173.600
Công ty con Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn Mua hàng hóa và dịch vụ	7.657.088.634	44.363.830.559
Cổ tức được chia	2.508.641.119	24.319.689.349
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng Mua hàng hóa và dịch vụ	-	146.554.074
Cổ tức được chia	1.893.671.274	3.663.440.961
Các công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP Mua hàng hóa và dịch vụ	14.140.951.739	14.462.017.529
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore Mua hàng hóa và dịch vụ	70.973.659.270	58.187.900.168

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty Xăng dầu Khu vực 2 – TNHH MTV Mua hàng hóa và dịch vụ	716.915.492	679.189.090
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long Mua hàng hóa và dịch vụ	3.758.593.924	511.481.775
Thành viên Ban Giám đốc		
<i>Tiền lương và thưởng</i>		
Ông Nguyễn Quang Cường Tổng Giám đốc	764.123.281	740.422.687
Bà Phạm Lý Trang Khanh Phó Tổng Giám đốc	607.704.080	594.438.149
Ông Nguyễn Quang Chiến Phó Tổng Giám đốc	613.158.625	594.438.149
Ông Bùi Hồng Dũng Phó Tổng Giám đốc	(*)	(*)
Ông Đỗ Quang Minh Phó Tổng Giám đốc	613.158.625	594.438.149
Bà Văn Thị Hồng Phượng Phó Tổng Giám đốc	613.158.625	594.438.149
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
<i>Tiền lương, thưởng và thù lao</i>		
Ông La Văn Út Chủ tịch	915.217.496	886.515.946
Ông Trương Văn Minh Ủy viên	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Quang Cường Ủy viên	96.000.000	96.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh Ủy viên	96.000.000	96.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng Ủy viên	96.000.000	96.000.000
Ông Lê Minh Ngọc Ủy viên	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Chí Nam Ủy viên	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng Trưởng Ban Kiểm soát	167.800.000	594.438.149
Ông Nguyễn Thanh Tuyên Trưởng Ban Kiểm soát	316.867.311	-
Bà Phạm Thúy Hà Thành viên Ban Kiểm soát	21.000.000	67.200.000
Ông Phạm Văn Trung Thành viên Ban Kiểm soát	67.200.000	67.200.000
Bà Nguyễn Thị Thu Thành viên Ban Kiểm soát	46.200.000	-

(*) Các khoản thù lao của ông Bùi Hồng Dũng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được chi trả bởi Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn, là công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*



32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

22 -03- 2024

Người lập:

Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc



